

Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần VNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 71

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ kinh doanh trò chơi điện tử, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Minh	Thành viên
Ông Vương Quang Khải	Thành viên
Bà Christina Gaw	Thành viên
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Phạm Văn Đô La	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Bà Trương Thị Thanh	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc Digital Business
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc VNG Games
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần VNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 11537012/67726953-LR/HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần VNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 71, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 40 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó trình bày các điều chỉnh hồi tố của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đối với một số dữ liệu tương ứng do Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến trong năm 2023.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.069.946.910.635	5.490.264.068.120
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	3.340.861.863.276	3.837.906.886.822
111	1. Tiền		1.879.791.863.276	2.318.913.787.644
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.461.070.000.000	1.518.993.099.178
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		61.307.445.172	136.824.412.924
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	61.307.445.172	136.824.412.924
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.010.928.860.645	945.544.732.596
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	520.288.353.697	538.203.242.635
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	169.447.946.508	213.998.904.911
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	400.680.194.594	275.982.480.210
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.3	(79.487.634.154)	(82.639.895.160)
140	IV. Hàng tồn kho		74.236.489.887	83.454.442.074
141	1. Hàng tồn kho	9	75.220.084.330	84.410.549.193
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(983.594.443)	(956.107.119)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		582.612.251.655	486.533.593.704
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	285.545.714.693	212.379.601.605
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		276.767.211.260	249.249.038.511
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		20.299.325.702	24.904.953.588
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.056.305.724.050	4.104.402.550.705
210	I. Khoản phải thu dài hạn		9.008.050.422	10.888.049.512
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	9.008.050.422	10.888.049.512
220	II. Tài sản cố định		3.153.345.090.491	2.287.693.005.785
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.766.781.264.899	2.070.648.943.610
222	Nguyên giá		4.178.872.706.132	3.490.001.408.476
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.412.091.441.233)	(1.419.352.464.866)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	155.695.472.728	-
225	Nguyên giá		161.064.282.132	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.368.809.404)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	230.868.352.864	217.044.062.175
228	Nguyên giá		995.022.244.583	984.954.708.907
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(764.153.891.719)	(767.910.646.732)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		314.137.340.327	212.985.451.662
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	314.137.340.327	212.985.451.662
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.310.412.538.303	1.181.847.462.516
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.1	1.165.862.095.554	992.467.125.745
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.2	231.782.723.213	291.173.144.967
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15.2	(87.232.280.464)	(102.792.808.196)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		269.402.704.507	410.988.581.230
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	255.070.159.069	386.388.659.539
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	27.903.692	9.263.415.401
269	3. Lợi thế thương mại	16	14.304.641.746	15.336.506.290
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.126.252.634.685	9.594.666.618.825

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.445.921.380.916	6.784.566.568.599
310	I. Nợ ngắn hạn		6.650.547.090.738	5.361.907.865.570
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	374.567.899.435	534.024.599.239
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	52.412.836.130	57.332.519.847
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	129.946.245.744	128.927.487.916
314	4. Phải trả người lao động	19	5.075.610.231	66.350.674.729
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	2.063.183.674.287	1.385.447.183.044
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	1.677.947.199.589	1.529.821.224.450
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	911.618.761.658	794.558.454.124
320	8. Vay ngắn hạn	23	1.435.794.863.664	865.445.722.221
330	II. Nợ dài hạn		1.795.374.290.178	1.422.658.703.029
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	185.192.641.737	99.177.031.928
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	381.844.500	305.659.674
338	3. Vay dài hạn	23	595.181.154.748	617.728.536.712
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.3	995.565.005.893	685.540.710.915
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	24	19.053.643.300	19.906.763.800
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.680.331.253.769	2.810.100.050.226
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.680.331.253.769	2.810.100.050.226
411	1. Vốn cổ phần	25.1	287.360.000.000	287.360.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		287.360.000.000	287.360.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	(409.833.750.565)	(409.833.750.565)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	24.192.517.846	15.684.217.402
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	1.402.266.103.998	2.842.320.047.141
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.916.192.410.843	4.943.330.305.805
421b	- Lỗ kỳ này		(513.926.306.845)	(2.101.010.258.664)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	376.346.382.490	74.569.536.248
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		10.126.252.634.685	9.594.666.618.825

Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 40)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	4.313.691.606.684	3.319.243.204.614
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28, 32	(2.802.466.691.583)	(2.284.628.673.421)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.511.224.915.101	1.034.614.531.193
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	95.232.660.730	42.495.241.958
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	29	(67.418.167.584) (67.704.192.064)	(91.631.581.345) (25.535.899.423)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	15.1	(47.738.124.759)	(233.118.677.552)
25	7. Chi phí bán hàng	30, 32	(1.039.661.216.330)	(1.097.821.044.198)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30, 32	(633.554.272.832)	(751.662.117.815)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(181.914.205.674)	(1.097.123.647.759)
31	10. Thu nhập khác	31	12.599.861.674	14.313.895.425
32	11. Chi phí khác	31	(19.081.899.260)	(32.745.223.960)
40	12. Lỗ khác	31	(6.482.037.586)	(18.431.328.535)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(188.396.243.260)	(1.115.554.976.294)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(78.112.737.392)	(53.288.638.272)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.3	(319.259.806.687)	(36.213.261.536)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(585.768.787.339)	(1.205.056.876.102)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 40)
61	17. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ		(513.926.306.845)	(1.105.382.805.845)
62	18. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông không kiểm soát	26	(71.842.480.494)	(99.674.070.257)
70	19. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	(17.884)	(38.467)
71	20. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	(17.884)	(38.467)


Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập


Lê Trung Tín
Kế toán trưởng


Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(188.396.243.260)	(1.115.554.976.294)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại	11, 12, 13, 16	226.769.088.527	209.217.182.775
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(9.458.278.709)	123.630.088.036
04	Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.527.500.443)	(1.668.714.230)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(38.792.783.727)	232.055.089.519
06	Chi phí lãi vay	29	67.704.192.064	25.535.899.423
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54.298.474.452	(526.785.430.771)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(100.504.308.272)	100.448.306.626
10	Giảm hàng tồn kho		9.190.464.863	13.642.184.132
11	Tăng các khoản phải trả		49.085.024.650	838.412.977.328
12	Tăng chi phí trả trước		(95.974.582.771)	(53.588.751.705)
14	Tiền lãi vay đã trả		(62.012.434.636)	(24.176.794.032)
15	Thuế TNDN đã nộp		(84.784.039.073)	(23.687.089.148)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(230.701.400.787)	324.265.402.430
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(302.547.759.395)	(518.363.431.760)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		10.981.758.778	536.385.150
24	Tiền thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		75.016.967.752	225.009.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.234.455.468.612)	(8.383.358.199)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		615.855.259.743	17.184.460.000
27	Tiền lãi được nhận		23.385.408.653	27.926.137.351
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(811.763.833.081)	(256.090.807.458)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		8.990.040.000	8.724.030.000
	Nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	26	80.884.759.050	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.258.082.700.899	749.491.342.637
34	Tiền trả nợ gốc vay		(790.008.393.728)	-
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(16.507.965.084)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(600.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		541.440.541.137	758.215.372.637
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(501.024.692.731)	826.389.967.609
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		3.837.906.886.822	2.629.077.198.459
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		3.979.669.185	(122.270.138)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	3.340.861.863.276	3.455.344.895.930

Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ kinh doanh trò chơi điện tử, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 3.538 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3.589 người).

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp và hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
I. Công ty con trực tiếp						
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na ("VinaData")	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na ("Vinanet")	99,50	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Zie ("Zie")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	69,80	69,80	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
10.	Quý Kiến tạo ước mơ ("DMF")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quý xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp và hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
I. Công ty con trực tiếp (tiếp theo)						
11.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
II. Công ty con gián tiếp						
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần VNG Data Center ("VNG DC")	50,994	51,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,989	100,00	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK") (*)	100,00	100,00	Hong Kong	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,989	100,00	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật game online và game trên điện thoại	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp và hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II.	Công ty con gián tiếp (tiếp theo)					
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	99,999	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997	99,998	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH VNG Solutions ("VNG Solutions")	99,50	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,934	99,934	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
14.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd ("KMZ") (*)	99,989	100,00	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
15.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	100,00	100,00	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
16.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Holco") (i) (*)	47,730	66,67	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động
17.	InstantiaPay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	47,730	100,00	Singapore	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
18.	InstantiaPay Pty Ltd ("Instpay AU")	47,730	100,00	Úc	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Đang hoạt động

(i) Tập đoàn giữ 47,73% quyền sở hữu trực tiếp ở Instpay Holco theo GCNEKDN của công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết 66,67% được tính bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp và hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
19.	InstantiaPay Limited ("Instpay UK") (*)	47,730	100,00	Vương quốc Anh	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
20.	InstantiaPay Limited (Hongkong) ("Instpay HK") (*)	47,730	100,00	Hong Kong	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
21.	Công ty TNHH InstantiaPay Việt Nam ("Instpay VN") (*)	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Trước hoạt động
22.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment") (*)	100,00	100,00	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động
23.	YoPlatform FZE ("YoPlatform") (*)	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
24.	Công ty Cổ phần Greennode ("Greennode VN")	98,989	99,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
25.	Greennode Pte. Ltd. ("Greennode SG")	99,989	100,00	Singapore	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
26.	Greennode Co., Ltd ("Greennode TH")	99,989	100,00	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
27.	VNG Technologies LLC (*)	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Dịch vụ mạng công nghệ thông tin; thiết bị hệ thống máy tính và truyền thông; thiết kế phần mềm; dịch vụ công nghệ số cải phân tán; tư vấn công nghệ thông tin	Trước hoạt động

(*) Các công ty trên đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn phát sinh khoản lỗ thuần sau thuế với giá trị là 585.768.787.339 VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024. Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.580.600.180.103 VND. Điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, bao gồm việc xem xét đến yếu tố tăng trưởng doanh thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động để cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Tập đoàn tin tưởng rằng, dựa trên kế hoạch dòng tiền dự phóng, Tập đoàn có thể đảm bảo đủ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền để đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm, số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm và theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với Công ty TNHH Mtex (Việt Nam) vào ngày 8 tháng 6 năm 2020 cho thời hạn thuê 21 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 21 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Tài sản khác	2 – 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Tập đoàn đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Tập đoàn ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển và đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc hợp nhất kinh doanh

Giá gốc của tài sản cố định vô hình hình thành từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản (8 - 10 năm).

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tài sản dở dang

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Tập đoàn không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa mười (10) năm.

Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Tập đoàn. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo chương trình quyền chọn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 37 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Tập đoàn phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Tập đoàn tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi khác, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua tiền ảo và dùng tiền ảo để mua hàng hóa ảo hoặc có thể mua hàng hóa ảo trực tiếp ("vật phẩm ảo") để nâng cao trải nghiệm chơi trò chơi của họ. Tập đoàn ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp tiền ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua tiền ảo hoặc vật phẩm ảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Tập đoàn được xác định khi Tập đoàn tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được hoàn tất. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Tập đoàn đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Tập đoàn ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Tập đoàn xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Tập đoàn xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Tập đoàn sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Tập đoàn tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Tập đoàn cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Tập đoàn bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Tập đoàn tính cho người chơi vì Tập đoàn là chủ thể trong giao dịch này. Tập đoàn kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (chẳng hạn như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Tập đoàn cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Tập đoàn ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Tập đoàn yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Tập đoàn không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Tập đoàn ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Tập đoàn, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v. và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Dịch vụ công nghệ tài chính và các dịch vụ đầu tư dài hạn khác

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua hàng hóa, chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, và các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ và hàng hóa.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Zion*

Trong quý 1 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zion để tăng tỷ lệ sở hữu tại Zion từ 72,654% lên 73,758%. Thêm vào đó, vào ngày 9 tháng 5 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua thêm 26,24108% tỷ lệ sở hữu trong Zion từ một cổ đông hiện hữu của Zion, với tổng giá mua là 1.234.455.468.612 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu tại Zion của Tập đoàn tăng từ 73,758% lên 99.99908% kể từ ngày này. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zion để tăng tỷ lệ sở hữu tại Zion từ 99.99908% lên 99.99914%

Chênh lệch giữa giá trị đầu tư thêm vào Zion và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu tài sản thuần của Zion tại ngày giao dịch là 1.235.980.310.934 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (*Thuyết minh số 25.1*).

4.2 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong VNG DC*

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2024, quyền sở hữu của Tập đoàn tại VNG DC đã giảm từ 100,00% xuống còn 51,00% do VNĐT đã hoàn tất việc chuyển nhượng một phần cổ phần sở hữu tại VNG DC cho một nhà đầu tư chiến lược.

Chênh lệch giữa giá trị do giảm tỷ lệ sở hữu tại VNG DC và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu tài sản thuần của VNG DC tại ngày giao dịch là 309.852.674.636 VND được ghi nhận tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (*Thuyết minh số 25.1*).

4.3 *Thành lập các công ty con trong kỳ*

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Greennode Co., Ltd ("Greennode TH") với tỷ lệ sở hữu là 99,989%, tương ứng với số vốn đã góp là 69.000.000 VND (tương đương 100.000 THB). Công ty Greennode TH có địa chỉ tại Thái Lan với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu.

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập VNG Technologies LLC với tỷ lệ sở hữu là 100,00%, tương ứng với số vốn cổ phần là 2.771.028.000 VND (tương đương 400.000 AED). VNG Technologies LLC có địa chỉ tại Dubai, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống Nhất với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ mạng công nghệ thông tin; thiết bị hệ thống máy tính và truyền thông; thiết kế phần mềm; dịch vụ công nghệ số cái phân tán; tư vấn công nghệ thông tin.

4.4 *Mất quyền kiểm soát trong Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")*

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2023, Tập đoàn và VTH đã ký kết Hợp đồng Đăng ký Mua Cổ phiếu với một nhóm công ty là nhà đầu tư chiến lược để chào bán 33.428.572 cổ phần được phát hành thêm bởi VTH cho nhóm nhà đầu tư chiến lược này, với giá trị là 464.536.000.000 VND. Vào ngày 17 tháng 5 năm 2024, giao dịch trên đã hoàn tất. Theo đó, nhóm nhà đầu tư chiến lược sở hữu 65% tỷ lệ sở hữu tại VTH và Tập đoàn sẽ giảm tỷ lệ sở hữu trong VTH xuống còn 35%. VTH trở thành công ty liên kết của Tập đoàn kể từ ngày này. Tập đoàn ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý nói trên với giá trị là 53.860.252.944 VND vào khoản mục doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	192.438.183	246.056.841
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.879.599.425.093	2.318.667.730.803
Các khoản tương đương tiền (**)	1.461.070.000.000	1.518.993.099.178
TỔNG CỘNG	<u>3.340.861.863.276</u>	<u>3.837.906.886.822</u>

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, một phần của tiền gửi ngân hàng đã được dùng để bảo đảm cho các khoản phải thu được giữ hộ cho người bán chưa hoàn tất các giao dịch mua, số dư trong ví điện tử của người dùng ZaloPay có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính của Tập đoàn và một lượng tiền nhất định được ngân hàng yêu cầu dự trữ (hoặc duy trì) để đảm bảo.

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 3,7%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 3,0% đến 5,5%/năm.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu khách hàng	486.429.172.591	507.962.013.419
- Apple Inc.	115.947.986.190	118.361.839.278
- Google Inc.	38.067.448.726	44.057.722.923
- Khác	332.413.737.675	345.542.451.218
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 34)	33.859.181.106	30.241.229.216
TỔNG CỘNG	<u>520.288.353.697</u>	<u>538.203.242.635</u>

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho người bán	162.346.306.508	207.208.904.911
- Tạp chí Điện tử Tri thức Trực tuyến	64.395.100.000	71.495.100.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Moca	13.852.780.876	21.416.480.000
- Nhà cung cấp khác	84.098.425.632	114.297.324.911
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 34)	7.101.640.000	6.790.000.000
TỔNG CỘNG	<u>169.447.946.508</u>	<u>213.998.904.911</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và trả trước cho người bán ngắn hạn:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	82.639.895.160	2.851.617.779
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.122.540.423	78.546.601.241
Trừ: Sử dụng, hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.274.801.429)	-
Số cuối kỳ	<u>79.487.634.154</u>	<u>81.398.219.020</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Ngắn hạn	400.680.194.594	275.982.480.210
Phải thu ngân hàng - dịch vụ trung gian thanh toán	175.460.227.516	93.316.631.133
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	54.550.871.145	19.592.846.084
Tạm ứng cho nhân viên	9.709.743.484	6.809.379.528
Tiền lãi phải thu	3.005.950.217	6.023.633.584
Khác	157.953.402.232	150.239.989.881
Dài hạn	9.008.050.422	10.888.049.512
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	9.008.050.422	10.888.049.512
TỔNG CỘNG	<u>409.688.245.016</u>	<u>286.870.529.722</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác bên khác</i>	293.370.195.766	170.585.592.222
<i>Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	116.318.049.250	116.284.937.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.752.285.076	-	36.937.285.273	-
Hàng hóa	23.442.917.507	-	21.104.611.235	-
Công cụ, dụng cụ	16.427.842.940	-	21.744.302.878	-
Hàng khuyến mãi	5.597.038.807	(983.594.443)	4.624.349.807	(956.107.119)
TỔNG CỘNG	75.220.084.330	(983.594.443)	84.410.549.193	(956.107.119)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	956.107.119	1.114.818.086
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	27.487.324	93.671.079
Số cuối kỳ	983.594.443	1.208.489.165

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	285.545.714.693	212.379.601.605
Chi phí kênh phân phối	131.608.193.524	112.870.019.896
Phí bản quyền phần mềm	76.015.293.736	14.312.196.797
Chi phí dịch vụ trả trước	65.874.407.479	60.494.873.228
Công cụ, dụng cụ	7.999.150.121	13.624.939.875
Khác	4.048.669.833	11.077.571.809
Dài hạn	255.070.159.069	386.388.659.539
Tiền thuê đất trả trước (*)	106.330.528.758	267.360.110.056
Công cụ, dụng cụ	84.900.906.281	63.166.162.582
Phí bản quyền âm nhạc	28.399.618.925	32.684.967.909
Chi phí kênh phân phối	10.572.021.722	4.634.148.881
Chi phí sửa chữa văn phòng	10.060.227.902	13.182.914.521
Khác	14.806.855.481	5.360.355.590
TỔNG CỘNG	540.615.873.762	598.768.261.144

(*) Tập đoàn đã sử dụng tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 23). Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá trị ghi sổ của tiền thuê đất trả trước cầm cố là 106.330.528.758 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 267.360.110.056 VND).

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.532.160.959.798	1.708.394.164.533	40.295.594.935	156.467.780.623	52.682.908.587	3.490.001.408.476
Mua trong kỳ	-	38.344.864.479	5.773.652.236	3.628.546.888	-	47.747.063.603
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	806.781.700.969	-	163.875.416	-	806.945.576.385
Thanh lý và xóa sổ	(12.122.263.612)	(146.979.945.487)	(811.028.819)	(5.217.340.262)	-	(165.130.578.180)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(865.709.206)	88.391.203	-	86.553.851	-	(690.764.152)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.519.172.986.980	2.406.629.175.697	45.258.218.352	155.129.416.516	52.682.908.587	4.178.872.706.132
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	1.524.449.430	641.124.050.545	18.817.162.005	91.166.223.494	52.089.644.951	804.721.530.425
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(185.856.801.657)	(1.024.081.693.363)	(31.681.712.565)	(125.646.495.376)	(52.085.761.905)	(1.419.352.464.866)
Khấu hao trong kỳ	(38.671.216.130)	(99.859.870.344)	(4.441.285.841)	(11.382.785.226)	(98.859.336)	(154.454.016.877)
Thanh lý và xóa sổ	12.028.619.827	145.013.125.450	811.028.819	4.006.157.662	-	161.858.931.758
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	1.971.981	(108.855.317)	-	(37.007.912)	-	(143.891.248)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(212.497.425.979)	(979.037.293.574)	(35.311.969.587)	(133.060.130.852)	(52.184.621.241)	(1.412.091.441.233)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.346.304.158.141	684.312.471.170	8.613.882.370	30.821.285.247	597.146.682	2.070.648.943.610
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.306.675.561.001	1.427.591.882.123	9.946.248.765	22.069.285.664	498.287.346	2.766.781.264.899
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 23)	1.305.224.293.467	346.733.587.851	-	-	-	1.651.957.881.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>VND</i> <i>Máy móc và thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Thuê trong kỳ (*)	<u>161.064.282.132</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>161.064.282.132</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Khấu hao trong kỳ	(5.288.159.781)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	<u>(80.649.623)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(5.368.809.404)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>155.695.472.728</u>

(*) Tập đoàn thuê các tài sản liên quan đến dịch vụ đám mây ("Cloud service") theo hợp đồng thuê tài chính nhằm mục đích sử dụng cho các hoạt động cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet. Theo hợp đồng thuê tài chính này, Tập đoàn có thể mua lại các tài sản thuê tại cuối thời hạn thuê. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong *Thuyết minh số 23.3*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Phần mềm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	942.594.083.418	42.360.625.489	984.954.708.907
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	50.687.885.305	-	50.687.885.305
Mua trong kỳ	23.975.306.000	-	23.975.306.000
Thanh lý và xóa sổ	(73.755.628.300)	-	(73.755.628.300)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	9.731.784.018	(571.811.347)	9.159.972.671
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	953.233.430.441	41.788.814.142	995.022.244.583
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	493.610.904.277	39.177.121.864	532.788.026.141
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(728.733.524.868)	(39.177.121.864)	(767.910.646.732)
Hao mòn trong kỳ	(65.995.047.325)	-	(65.995.047.325)
Thanh lý và xóa sổ	73.755.628.300	-	73.755.628.300
Giảm khác	3.209.318.208	-	3.209.318.208
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(7.213.144.170)	-	(7.213.144.170)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(724.976.769.855)	(39.177.121.864)	(764.153.891.719)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	213.860.558.550	3.183.503.625	217.044.062.175
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	228.256.660.586	2.611.692.278	230.868.352.864



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	252.258.552.471	172.071.827.271
Hệ thống máy chủ đang hoàn thiện	40.484.606.353	23.356.780.860
Khác	21.394.181.503	17.556.843.531
TỔNG CỘNG	<u>314.137.340.327</u>	<u>212.985.451.662</u>

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	1.165.862.095.554	992.467.125.745
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)	231.782.723.213	291.173.144.967
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 15.2)	-	1.000.000.000
	<u>(87.232.280.464)</u>	<u>(102.792.808.196)</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.310.412.538.303</u>	<u>1.181.847.462.516</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	102.792.808.196	2.357.000.000
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	47.160.000.000
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(19.388.526.319)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	3.827.998.587	1.000.000
Số cuối kỳ	<u>87.232.280.464</u>	<u>49.518.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Giá trị đầu tư	Tiki Global	Rocketeer	Ecotruck	DayOne	Beijing Youtu	Tello	Funding Asia	OCG	Cloudverse	VTH	VND Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	510.119.999.037	33.093.946.920	143.509.456.217	138.120.000.000	35.338.249.520	515.282.476.878	512.549.703.860	104.224.076.340	-	-	1.992.237.908.772
Tăng giá trị đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	221.133.094.568	221.133.094.568
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	510.119.999.037	33.093.946.920	143.509.456.217	138.120.000.000	35.338.249.520	515.282.476.878	512.549.703.860	104.224.076.340	-	221.133.094.568	2.213.371.003.340
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết											
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(510.119.999.037)	(33.093.946.920)	(39.389.360.565)	8.315.671.114	(35.338.249.520)	(299.467.729.830)	(87.458.954.383)	(3.218.213.886)	-	-	(999.770.783.027)
Phần (lỗ) lãi từ công ty liên kết	-	-	(8.676.771.073)	2.668.890.500	-	(10.898.947.658)	(25.145.154.672)	(5.315.006.616)	-	(371.135.240)	(47.738.124.759)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(510.119.999.037)	(33.093.946.920)	(48.066.131.636)	10.984.561.614	(35.338.249.520)	(310.366.677.486)	(112.604.109.055)	(9.533.220.502)	-	(371.135.240)	(1.047.508.907.786)
Giá trị còn lại											
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-	104.120.095.652	146.435.671.114	-	215.814.747.048	425.090.749.477	101.005.862.454	-	-	992.467.125.745
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	-	95.443.324.579	149.104.661.614	-	204.915.799.390	399.945.594.805	95.690.855.838	-	220.761.959.328	1.165.862.095.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Tiki Global Pte. Ltd ("Tiki Global")

Tiki Global được thành lập theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 202117645H vào ngày 19 tháng 5 năm 2021. Tiki Global có trụ sở chính tại Số 10, Đường Anson, Tòa nhà Quốc tế #21-07, Singapore. Hoạt động chính của Tiki Global là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 14,61% tỷ lệ sở hữu trong Tiki Global. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định hai (2) trên chín (9) thành viên Hội đồng Quản trị của Tiki Global, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")

Rocketeer được thành lập theo GCNĐKKD số 379385 vào ngày 29 tháng 7 năm 2021. Rocketeer có trụ sở chính tại ICS Corporate Services (Cayman) Limited, Quảng trường Chính quyền 3-212, Đại lộ 23 Line Tree Bay, P.O. Box 30746, Seven Mile Beach, Grand Cayman KY1-1203, Quần đảo Cayman. Hoạt động chính của Rocketeer là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 11,25% tỷ lệ sở hữu trong Rocketeer. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên năm (5) thành viên Hội đồng Quản trị của Rocketeer, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 3 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại Số 139/1A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 23,94% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng trong Ecotruck (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 25,29%). Ecotruck đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính nhằm tăng vốn tuy nhiên Tập đoàn không tham gia quá trình này.

Công ty cổ phần DayOne ("Day One")

DayOne được thành lập theo GCNĐKKD số 0313249098 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. DayOne có trụ sở chính tại Tầng 1-5, Tòa nhà 9-11, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DayOne là kinh doanh thương mại điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 27,27% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng trong DayOne.

Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu")

Beijing Youtu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 91110105MA01YKF977 cấp vào ngày 5 tháng 1 năm 2021. Beijing Youtu có trụ sở chính tại 576 East, 202B, Tầng 2, Tòa nhà 1, Số 1, Đường Lize Middle, Quận Changyang, Bắc Kinh, Trung Quốc. Hoạt động chính của Beijing Youtu là phân phối trò chơi điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 14% tỷ lệ sở hữu trong Beijing Youtu. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) thành viên Hội đồng Quản trị của Beijing Youtu, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Telio Pte. Ltd. ("Telio")

Telio được thành lập theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 201902507W cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2019. Telio có trụ sở chính tại Số 30, Đường Cecil, Tòa nhà #19-08 Prudential, Singapore. Hoạt động chính của Telio là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 16,55% tỷ lệ sở hữu trong Telio. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) thành viên Hội đồng quản trị của Telio kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

Nhóm Công ty Funding Asia Group Pte. Ltd. ("Funding Asia")

Funding Asia được thành lập theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 201537647E cấp vào ngày 14 tháng 10 năm 2015. Funding Assia có trụ sở chính tại Số 5 Đường Shenton Way, #10-01, Tòa nhà UIC, Singapore. Hoạt động chính của Funding Asia là công ty kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng cho vay trực tuyến.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 4,67% tỷ lệ sở hữu trong Funding Asia (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,88%). Funding Asia đã hoàn tất phát hành thêm công vụ tài chính nhằm tăng vốn tự nhiên Tập đoàn không tham gia quá trình này. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên chín (9) thành viên Hội đồng quản trị của Funding Asia kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

OpenCommerce Holding Pte. Ltd. ("OCG")

OCG được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202140908D vào ngày 24 tháng 11 năm 2021. OCG có trụ sở chính tại 1 Raffles Place #40-02 One Raffles Place Singapore 048616. Hoạt động chính của OCG là thương mại điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 12,17% tỷ lệ sở hữu trong OCG. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên bốn (4) thành viên Hội đồng quản trị của OCG kèm các quyền khác và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")

Cloudverse được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202141526E vào ngày 30 tháng 11 năm 2021. Cloudverse có trụ sở chính tại 3 Fraser Street, #05-24 Duo Tower, Singapore 189352. Hoạt động chính của Cloudverse là cung cấp dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 30,00% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng trong Cloudverse.

Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")

VTH được thành lập theo GCNĐKKD số 0317484078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 9 năm 2022. VTH có trụ sở chính đặt tại Số Z06, Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của VTH là đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và cho thuê văn phòng.

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2023, Tập đoàn và VTH đã ký kết Hợp đồng Đăng ký Mua Cổ phiếu với một nhóm công ty là nhà đầu tư chiến lược để chào bán 33.428.572 cổ phần được phát hành thêm bởi VTH cho nhóm nhà đầu tư chiến lược này, với giá trị là 464.536.000.000 VND. Vào ngày 17 tháng 5 năm 2024, giao dịch trên đã hoàn tất. Theo đó, nhóm nhà đầu tư chiến lược sở hữu 65% tỷ lệ sở hữu tại VTH và Tập đoàn sẽ giảm tỷ lệ sở hữu trong VTH xuống còn 35%. VTH trở thành công ty liên kết của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
Haegin, Co. Ltd, ("Haegin")	55.555	0,57	105.996.226.571	-	55.555	0,57	101.344.813.088	-
Wildseed Games, Inc.			53.230.266.531	(33.969.980.464)	-	-	48.500.000.000	(48.500.000.000)
Transcend Fund II			50.726.000.000	(50.726.000.000)	-	-	50.894.372.250	(32.479.281.877)
Trái phiếu của Victoria Shanghai Education Foundation Limited			11.487.534.746	-	-	-	10.983.429.310	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (*)	85.903	0,47	7.806.395.365	-	847.603	4,63	77.025.530.319	(19.388.526.319)
Real Stake Pte Ltd			2.536.300.000	(2.536.300.000)	-	-	2.425.000.000	(2.425.000.000)
TỔNG CỘNG			231.782.723.213	(87.232.280.464)			291.173.144.967	(102.792.808.196)

(*) Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn đã thanh lý 761.700 cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT với tổng giá trị chuyển nhượng là 74.290.350.000 VND. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lãi từ nghiệp vụ này với giá trị là 5.071.215.046 VND vào doanh thu tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất các công ty con được trình bày như sau:

	VinaData	EPI	MPT	VNG Online	XFM	Verichains	Tổng cộng	VND
Nguyên giá								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	9.814.811.229	11.920.046.178	591.115.321	26.343.737	11.025.955.237	158.604.581.243	191.982.852.945	
Phân bổ lũy kế								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(3.859.084.315)	(150.434.945.875)	(176.646.346.655)	
Phân bổ trong kỳ	-	-	-	-	(551.297.760)	(480.566.784)	(1.031.864.544)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(4.410.382.075)	(150.915.512.659)	(177.678.211.199)	
Giá trị còn lại								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-	-	-	7.166.870.922	8.169.635.368	15.336.506.290	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	-	-	-	6.615.573.162	7.689.068.584	14.304.641.746	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả cho người bán	162.499.577.674	333.889.718.374
- <i>Seasun Games Corporation Limited</i>	44.011.341.035	38.920.796.627
- <i>Google Asia Pacific Pte. Ltd.</i>	17.104.278.274	46.817.181.314
- <i>Phải trả người bán khác</i>	101.383.958.365	248.151.740.433
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 34</i>)	<u>212.068.321.761</u>	<u>200.134.880.865</u>
TỔNG CỘNG	<u>374.567.899.435</u>	<u>534.024.599.239</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Người mua trả tiền trước	52.184.877.071	54.903.377.987
- <i>Công ty TNHH The Sherpa</i>	9.203.382.529	14.052.426.696
- <i>Công ty TNHH Mitek Việt Nam</i>	6.342.785.688	4.633.588.706
- <i>Các khách hàng khác</i>	36.638.708.854	36.217.362.585
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 34</i>)	<u>227.959.059</u>	<u>2.429.141.860</u>
TỔNG CỘNG	<u>52.412.836.130</u>	<u>57.332.519.847</u>

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. THUẾ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	249.637.918.549	333.473.989.629	(291.246.400.538)	1.151.230.306	(16.249.526.686)	276.767.211.260
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.516.073.550	-	(4.241.337.509)	24.589.661	-	20.299.325.702
TỔNG CỘNG	274.153.992.099	333.473.989.629	(295.487.738.047)	1.175.819.967	(16.249.526.686)	297.066.536.962
Phải nộp						
Thuế giá trị gia tăng	35.488.318.236	378.455.090.529	(373.241.386.615)	37.789.584	-	40.739.811.734
Thuế nhà thầu nước ngoài	13.983.713.541	199.693.584.998	(174.431.502.002)	415.513.456	-	39.661.309.993
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.736.519.053	73.871.399.883	(84.784.039.073)	706.477.086	-	33.530.356.949
Thuế thu nhập cá nhân	35.718.937.086	156.964.709.804	(177.616.733.805)	947.853.983	-	16.014.767.068
Khác	-	14.000.000	(14.000.000)	-	-	-
TỔNG CỘNG	128.927.487.916	808.998.785.214	(810.087.661.495)	2.107.634.109	-	129.946.245.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Mua tài sản cố định	761.912.500.096	7.486.896.000
Phí bản quyền phần mềm	630.975.747.988	838.904.705.351
Chi phí lương thưởng	242.751.015.035	359.709.238.542
Chi phí quảng cáo	181.348.313.298	60.419.093.392
Chi phí phải trả khác	246.196.097.870	118.927.249.759
TỔNG CỘNG	<u>2.063.183.674.287</u>	<u>1.385.447.183.044</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác bên khác</i>	1.615.508.741.012	743.064.453.732
<i>Phải trả khác bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	447.674.933.275	642.382.729.312

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	1.677.947.199.589	1.529.821.224.450
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.536.810.746.574	1.433.097.680.020
Dịch vụ khác	141.136.453.015	96.723.544.430
Dài hạn	185.192.641.737	99.177.031.928
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	185.105.855.488	99.060.513.973
Dịch vụ khác	86.786.249	116.517.955
TỔNG CỘNG	<u>1.863.139.841.326</u>	<u>1.628.998.256.378</u>

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	911.618.761.658	794.558.454.124
Thu hộ	832.110.242.971	729.192.221.667
Nhận đặt cọc mua cổ phần	26.839.870.000	17.849.830.000
Thuế nhà thầu nước ngoài	19.170.780.624	23.500.614.867
Kinh phí công đoàn	18.964.067.480	15.826.936.535
Phải trả khác	14.533.800.583	8.188.851.055
Dài hạn - Nhận đặt cọc	<u>381.844.500</u>	<u>305.659.674</u>
TỔNG CỘNG	<u>912.000.606.158</u>	<u>794.864.113.798</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác bên khác</i>	911.171.454.763	793.848.369.514
<i>Phải trả khác bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	829.151.395	1.015.744.284

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ngắn hạn:	865.445.722.221	1.258.082.700.899	(806.516.358.812)	(14.850.000.000)	133.632.799.356	1.435.794.863.664
Vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 23.1)	718.480.706.210	1.258.082.700.899	(725.386.721.722)	-	-	1.251.176.685.387
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.2)	146.965.016.011	-	(64.621.672.006)	(14.850.000.000)	84.569.344.006	152.062.688.011
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.3)	-	-	(16.507.965.084)	-	49.063.455.350	32.555.490.266
Dài hạn:	617.728.536.712	161.064.282.132	-	(49.978.864.740)	(133.632.799.356)	595.181.154.748
Vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 23.2)	617.728.536.712	-	-	(49.978.864.740)	(84.569.344.006)	483.180.327.966
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 23.3)	-	161.064.282.132	-	-	(49.063.455.350)	112.000.826.782
TỔNG CỘNG	1.483.174.258.933	1.419.146.983.031	(806.516.358.812)	(64.828.864.740)	-	2.030.976.018.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	997.546.685.387	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2024 đến ngày 23 tháng 12 năm 2024	5,5	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất Số 24, Tờ Bản đồ Số 31 (theo tài liệu đo đạc năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM (Thuyết minh số 10 và số 11). Và 40.000.000 cổ phiếu phổ thông của VinaData do Tập đoàn sở hữu.
Ngân hàng The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited - Chi nhánh Singapore	253.630.000.000	Ngày 15 tháng 9 năm 2024	8,3	Vay tín chấp
TỔNG CỘNG	1.251.176.685.387			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	439.999.999.987 VND	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2024 đến ngày 20 tháng 5 năm 2028	7,4 - 8,7	Tài trợ cho dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm"	Bất động sản tọa lạc tại S.38b - 39 - 40, Đường số 19, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam thuộc sở hữu của VNG DC, công ty con trong Tập đoàn và tài sản hình thành trong tương lai bao gồm công trình xây dựng trên đất và máy móc thiết bị thuộc dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm" (Thuyết minh số 11).
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Sài Gòn	137.877.526.950	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2028	7,5	Bổ sung nguồn vốn để mua máy chủ và thiết bị mới	Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của VinaData (Thuyết minh số 11).
	57.365.489.040	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2024 đến ngày 28 tháng 9 năm 2028	7,8		
TỔNG CỘNG	635.243.015.977				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	152.062.688.011				
Vay dài hạn	483.180.327.966				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.3 Nợ thuế tài chính

Tập đoàn hiện đang thuê dịch vụ đám mây "Cloud service" theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
Đến 1 năm	43.398.730.752	10.843.240.486	-	-	-
Từ 1 đến 5 năm	126.579.631.360	14.578.804.578	-	-	-
TỔNG CỘNG	169.978.362.112	25.422.045.064	144.556.317.048	-	-

Chi phí đi vay vốn hóa

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 0 VND vào giá trị của chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 7.383.991.558 VND).

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong *Thuyết minh số 3.13*.

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tính hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	358.442.620.000	783.503.561.013	(1.264.419.931.578)	9.835.765.373	5.092.951.627.944	4.980.313.642.752
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(1.105.382.805.845)	(1.105.382.805.845)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	(579.879.731)	(579.879.731)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	-	(8.458.205.696)	-	(8.458.205.696)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	358.442.620.000	783.503.561.013	(1.264.419.931.578)	1.377.559.677	3.986.988.942.368	3.865.892.751.480
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	287.360.000.000	(409.833.750.565)	-	15.684.217.402	2.842.320.047.141	2.735.530.513.978
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(513.926.306.845)	(513.926.306.845)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con (Thuyết minh số 4.1 và 4.2)	-	-	-	-	(926.127.636.298)	(926.127.636.298)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	-	8.508.300.444	-	8.508.300.444
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	287.360.000.000	(409.833.750.565)	-	24.192.517.846	1.402.266.103.998	1.303.984.871.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	28.736.000	28.736.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	28.736.000

Cổ phiếu của Tập đoàn đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn được quyền hưởng cổ tức do Tập đoàn công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

25.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>287.360.000.000</u>	<u>358.442.620.000</u>

26. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	74.569.536.248	134.273.634.810
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	292.735.167.686	579.879.731
Góp vốn trong kỳ	80.884.759.050	-
Cổ tức	(600.000)	(1.880.018)
Lỗ thuần trong kỳ	<u>(71.842.480.494)</u>	<u>(99.674.070.257)</u>
Số cuối kỳ	<u>376.346.382.490</u>	<u>35.177.564.266</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)</i>
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	3.111.629.843.848	2.289.546.114.780
Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet	653.172.005.736	443.040.166.551
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	436.038.012.596	473.271.995.491
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	39.125.330.914	16.656.476.894
Dịch vụ khác	73.726.413.590	96.728.450.898
TỔNG CỘNG	4.313.691.606.684	3.319.243.204.614
Trong đó:		
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	<i>4.257.710.279.113</i>	<i>3.222.108.637.868</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>55.981.327.571</i>	<i>97.134.566.746</i>

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	58.931.467.990	690.731.506
Lãi tiền gửi	20.367.725.286	14.237.019.534
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.471.734.200	22.429.410.849
Cổ tức được chia	-	4.273.515.000
Khác	461.733.254	864.565.069
TỔNG CỘNG	95.232.660.730	42.495.241.958

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	927.607.007.586	625.589.556.399
Phí bản quyền phần mềm	834.745.418.827	785.795.820.374
Chi phí nhân viên	779.954.769.496	704.434.803.037
Chi phí khấu hao và hao mòn	193.225.111.351	128.851.103.416
Chi phí khác	66.934.384.323	39.957.390.195
TỔNG CỘNG	2.802.466.691.583	2.284.628.673.421



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Chi phí lãi vay	67.704.192.064	25.535.899.423
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn	19.102.501.839	5.904.240.328
Chi phí tài chính khác	(19.388.526.319)	47.160.000.000
	-	13.031.441.594
TỔNG CỘNG	<u>67.418.167.584</u>	<u>91.631.581.345</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Chi phí bán hàng	1.039.661.216.330	1.097.821.044.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	818.691.677.688	879.107.977.451
Chi phí nhân viên	204.379.679.569	210.890.759.903
Chi phí khấu hao và hao mòn	30.270.082	61.392.980
Chi phí khác	16.559.588.991	7.760.913.864
Chi phí quản lý doanh nghiệp	633.554.272.832	751.662.117.815
Chi phí nhân viên	358.112.658.967	394.134.038.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.646.451.898	153.988.009.573
Chi phí khấu hao và hao mòn	33.513.707.094	80.304.686.379
Công cụ, dụng cụ	25.609.664.022	34.975.218.477
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.152.261.006)	78.546.601.241
Chi phí khác	20.824.051.857	9.713.563.308
TỔNG CỘNG	<u>1.673.215.489.162</u>	<u>1.849.483.162.013</u>

31. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Thu nhập khác	12.599.861.674	14.313.895.425
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.899.855.719	680.209.325
Khoản hỗ trợ từ đối tác	-	10.763.067.289
Thu nhập khác	3.700.005.955	2.870.618.811
Chi phí khác	(19.081.899.260)	(32.745.223.960)
Chi phí bồi thường	(2.649.440.312)	(20.649.830.732)
Chi phí thanh lý, xóa sổ tài sản	(1.662.999.093)	(5.555.779.301)
Chi phí khác	(14.769.459.855)	(6.539.613.927)
LỖ THUẬN KHÁC	<u>(6.482.037.586)</u>	<u>(18.431.328.535)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.944.945.137.172	1.658.685.543.423
Chi phí nhân viên	1.342.447.108.032	1.309.459.601.777
Phí bản quyền phần mềm	834.745.418.827	785.795.820.374
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại (Thuyết minh số 11, 12, 13 và 16)	226.769.088.527	209.217.182.775
Công cụ, dụng cụ (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	58.116.340.498	62.100.945.684
	(3.152.261.006)	78.546.601.241
Chi phí khác	71.811.348.695	30.306.140.160
TỔNG CỘNG	<u>4.475.682.180.745</u>	<u>4.134.111.835.434</u>

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, ngoại trừ các khoản miễn và/hoặc giảm sau đây:

- ▶ VNGS được miễn thuế TNDN trong bốn năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và thuế suất ưu đãi 5% cho chín (9) năm tiếp theo sau và 10% cho những năm còn lại tới hết năm 2026.
- ▶ VNG Singapore, ZPI, Cloudverse, VNG Investment, Instpay Holco, Instpay SG, và Verichains SG có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 17%.
- ▶ VNG Myanmar có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22%.
- ▶ MLT HK và Instpay HK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 8,25% trên 2 triệu HKD lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 16,5% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.
- ▶ Instpay AU và KMZ có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- ▶ Instpay UK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 19%, áp dụng cho doanh nghiệp có lợi nhuận chịu thuế thấp hơn 50 nghìn Bảng Anh.
- ▶ VinaData có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 10% được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ cao (2021) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong sáu (6) năm tiếp theo. Việc miễn, giảm thuế này chỉ áp dụng đối với thu nhập từ nhóm sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.
- ▶ DMF được miễn thuế TNDN đối với thu nhập đóng góp cho mục đích từ thiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam.
- ▶ YoPlatform và VNG Technologies LLC có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 0% trên 375 ngàn AED lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 9% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	78.112.737.392	53.288.638.272
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	297.391.087.821	36.213.261.536
TỔNG CỘNG	375.503.825.213	89.501.899.808

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)</i>
		VND
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(188.396.243.260)	(1.115.554.976.294)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	(48.822.913.429)	(238.653.878.442)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	343.898.959.671	82.426.096.949
Lỗ từ thanh lý công ty con trên khía cạnh hợp nhất	41.232.549.411	-
Lợi nhuận hoãn lại	19.691.742.227	177.700.254.964
Chi phí không được khấu trừ	17.843.635.469	14.480.296.548
Lỗ từ công ty liên kết	9.547.624.952	46.623.735.510
Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	206.372.908	7.697.358.172
Thuế được miễn, giảm	(3.160.912.605)	(5.696.113.578)
Khác	(4.933.233.391)	4.924.149.685
Chi phí thuế TNDN	375.503.825.213	89.501.899.808

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lỗ kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	3.310.036	6.815.250.989	(6.811.940.953)	6.094.910.293
Khác	24.593.656	2.448.164.412	(2.423.570.756)	(1.034.049.456)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.903.692	9.263.415.401		
Dự phòng đầu tư dài hạn vào công ty con và công ty liên kết	(967.581.369.192)	(670.811.336.560)	(296.770.032.632)	(48.819.704.774)
Khác biệt cơ sở ghi nhận doanh thu	(20.806.569.617)	(8.722.990.586)	(12.083.579.031)	6.584.148.512
Hao mòn bản quyền phần mềm trò chơi và khấu hao máy móc	(5.634.343.949)	(5.381.292.342)	(253.051.607)	1.006.569.818
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(1.542.723.135)	(625.091.427)	(917.631.708)	(45.135.929)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(995.565.005.893)	(685.540.710.915)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(319.259.806.687)	(36.213.261.536)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Các công ty trong Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, với chi tiết như sau:

- Zion, VNG, XFM, VNG Online, DMF, VNG DC, A4B, EPI, Adtima, Verichains, KMZ, Instpay VN, YoPlatform, GreenNode VN, GreenNode TH and VNG Solutions được phép chuyển lỗi trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó;
- VNG Myanmar được phép chuyển lỗi trong vòng ba (3) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó;
- VNG Sing Taiwan được phép chuyển lỗi trong vòng mười (10) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó; và
- Các công ty còn lại được phép chuyển lỗi vô thời hạn.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn có các khoản lỗi lũy kế với tổng giá trị là 8.668.269.035.092 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6.847.290.805.049 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế	Đã chuyển lỗi đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND	
				Không được chuyển lỗi	Chưa chuyển lỗi tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
Zion (*)					
2019	2024	344.902.359.223	-	-	344.902.359.223
2020	2025	685.983.587.158	-	-	685.983.587.158
2021	2026	1.229.426.701.077	-	-	1.229.426.701.077
2022	2027	1.309.878.614.959	-	-	1.309.878.614.959
2023	2028	721.142.132.923	-	-	721.142.132.923
2024	2029	232.099.165.307	-	-	232.099.165.307
VNG (*)					
2021	2026	253.245.072.344	-	-	253.245.072.344
2022	2027	1.326.625.144.087	-	-	1.326.625.144.087
2023	2028	377.743.953.245	-	-	377.743.953.245
2024	2029	1.220.571.050.180	-	-	1.220.571.050.180
VNG Singapore (*)					
2018	Vô thời hạn	78.101.901.114	-	-	78.101.901.114
2020	Vô thời hạn	14.067.539.074	-	-	14.067.539.074
2022	Vô thời hạn	201.148.668.608	-	-	201.148.668.608
2023	Vô thời hạn	47.368.921.803	-	-	47.368.921.803
2024	Vô thời hạn	157.396.100.332	-	-	157.396.100.332
VNG Online (*)					
2023	2028	44.296.363.685	-	-	44.296.363.685
2024	2029	56.253.615.377	-	-	56.253.615.377
KMZ (*)					
2022	2027	24.565.174.131	-	-	24.565.174.131
2023	2028	24.543.549.804	-	-	24.543.549.804
2024	2029	31.661.223.108	-	-	31.661.223.108
VNG DC (*)					
2022	2027	1.016.255.900	-	-	1.016.255.900
2023	2028	41.139.228.841	-	-	41.139.228.841
2024	2029	33.109.600.674	-	-	33.109.600.674
XFM (*)					
2020	2025	5.735.187.541	-	-	5.735.187.541
2021	2026	16.312.706.534	-	-	16.312.706.534
2022	2027	15.512.810.994	-	-	15.512.810.994
2023	2028	22.700.395.189	-	-	22.700.395.189
2024	2029	6.220.501.921	-	-	6.220.501.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.4 Lãi thuế chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)

Chi tiết như sau (tiếp theo):

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lãi tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Không được chuyển lỗ	VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
VNG Sing Taiwan branch (*)					
2023	2033	23.848.850.778	-	-	23.848.850.778
2024	2034	14.835.874.847	-	-	14.835.874.847
Instpay AU (*)					
2022	Vô thời hạn	3.750.682.215	-	-	3.750.682.215
2023	Vô thời hạn	15.279.288.891	-	-	15.279.288.891
2024	Vô thời hạn	11.110.375.118	-	-	11.110.375.118
Instpay SG (*)					
2022	Vô thời hạn	124.984.946	-	-	124.984.946
2023	Vô thời hạn	15.044.410.220	-	-	15.044.410.220
2024	Vô thời hạn	8.128.393.340	-	-	8.128.393.340
Greennode TH (*)					
2024	2029	19.985.455.112	-	-	19.985.455.112
EPI (*)					
2024	2029	8.090.013.241	-	-	8.090.013.241
VNG Myanmar (*)					
2021	2024	3.980.382.060	-	-	3.980.382.060
2022	2025	1.441.177.854	-	-	1.441.177.854
2024	2027	513.687.379	-	-	513.687.379
Instpay Holco (*)					
2022	Vô thời hạn	132.229.726	-	-	132.229.726
2023	Vô thời hạn	806.294.050	-	-	806.294.050
2024	Vô thời hạn	3.535.202.820	-	-	3.535.202.820
Instpay UK (*)					
2023	Vô thời hạn	1.825.719.479	-	-	1.825.719.479
2024	Vô thời hạn	2.491.750.141	-	-	2.491.750.141
A4B (*)					
2024	2029	3.917.767.847	-	-	3.917.767.847
VNG Solutions (*)					
2024	2029	2.970.422.525	-	-	2.970.422.525
Verichains (*)					
2022	2027	3.396.817.692	(1.660.543.280)	-	1.736.274.412
Adtima (*)					
2024	2029	1.464.195.613	-	-	1.464.195.613
YoPlatform (*)					
2023	2028	343.987.205	-	-	343.987.205
2024	2029	74.185.308	-	-	74.185.308
Instpay HK (*)					
2023	Vô thời hạn	27.862.988	-	-	27.862.988
2024	Vô thời hạn	33.872.024	-	-	33.872.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)

Chi tiết như sau (tiếp theo):

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
GreenNode VN (*) 2023	2028	4.113.258	-	4.113.258
Instpay VN (*) 2023	2028	2.104.397	-	2.104.397
	2024	1.952.165	-	1.952.165
DMF (*) 2022	2027	161.570.256	(161.570.256)	-
TỔNG CỘNG		8.670.091.148.628	(1.822.113.536)	8.668.269.035.092

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế trị giá là 8.666.532.760.680 VND của VNG, DMF, Zion, VNG Online, A4B, VNG Singapore, VNG Sing Taiwan Branch, VNG Myanmar, XFM, EPI, Adtima, Instpay Holco, Instpay SG, Instpay AU, Instpay UK, Instpay HK, Instpay VN, VNG DC, GreenNode VN, GreenNode TH, VNG Solutions, KMZ và YoPlatform do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và không có lãi suất.

Danh sách các bên liên quan của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Zion	Công ty con
VinaData	Công ty con
Vinanet	Công ty con
VNGS	Công ty con
EPI	Công ty con
Zie	Công ty con
A4B	Công ty con
ZPS	Công ty con
VNG Online	Công ty con
DMF	Công ty con
MPT	Công ty con
VNG DC	Công ty con
VNG Singapore	Công ty con
VNG Myanmar	Công ty con
MLT HK	Công ty con
VNG Games	Công ty con
XFM	Công ty con
ZPI	Công ty con
Thanh Sơn	Công ty con
Adtima	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Fiza	Công ty con
Mixus	Công ty con
Verichains	Công ty con
VNG Investment	Công ty con
KMZ	Công ty con
Verichains SG	Công ty con
Instpay Holco	Công ty con
Instpay SG	Công ty con
Instpay AU	Công ty con
Instpay UK	Công ty con
Instpay HK	Công ty con
YoPlatform	Công ty con
Greennode VN	Công ty con
Greennode SG	Công ty con
Greennode TH	Công ty con
VNG Technologies LLC	Công ty con
Day One	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
Tiki Global	Công ty liên kết
Beijing Youtu	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
OCG	Công ty liên kết
Cloudverse	Công ty liên kết
VTH	Công ty liên kết
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Ti Ki ("Tiki")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tikinow Smart Logistics ("Tikinow")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Telio Việt Nam ("Telio Vietnam")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Got It ("Got It")	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
VNG Limited	Bên liên quan do là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ BigV	Bên liên quan do là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị ("HDQT"), Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS")	

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND
Riot	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Cung cấp dịch vụ quảng cáo	325.291.668.908 13.097.697.197	185.343.885.019 16.032.747.777	
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Cung cấp dịch vụ quảng cáo Thu nhập khác	241.030.874.023 5.032.515.694 -	151.478.284.642 21.856.911.425 6.101.925.943	
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	108.960.024.735	17.328.622.221	
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	45.761.887.951	22.921.170.864	
Got It	Công ty con của công ty liên kết	Bán thẻ cào	36.802.156.370	56.328.389.257	
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	15.697.775.226	77.280	

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)					
Riot	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.188.375.857	24.384.667.401	
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.588.373.904	5.753.530.601	
Day One	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.885.378	11.673.203	
TIKI	Công ty con của công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.545.967	91.358.011	
			33.859.181.106	30.241.229.216	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)					
Doracat	Công ty con của công ty liên kết	Phí bảo lãnh tối thiểu	7.101.640.000	6.790.000.000	
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)					
Riot	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Trích trước doanh thu	754.549.250	721.437.500	
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		Phải thu khác	115.563.500.000	115.563.500.000	
			116.318.049.250	116.284.937.500	

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	VND
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)					
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	67.789.144.344	141.744.168.783	
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	65.826.130.644	25.210.313.371	
Riot	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	60.471.356.667	-	
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	17.967.319.386	32.651.934.551	
Got It	Công ty con của công ty liên kết	Mua hàng hóa	14.370.720	20.894.160	
Day One	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	507.570.000	
			212.068.321.761	200.134.880.865	
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 18)					
Got It	Công ty con của Công ty liên kết	Bán thẻ cào	227.959.059	2.429.141.860	



Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 21)					
Riot	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	217.505.659.551	240.495.754.676	
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Chi phí vận hành	132.504.140.481 6.115.710.336	146.286.918.288 5.038.558.055	
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Phí cam kết	50.256.541.094 -	218.352.501.293 24.250.000.000	
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	25.595.106.587	7.958.997.000	
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	15.697.775.226	-	
			447.674.933.275	642.382.729.312	
Phải trả khác (Thuyết minh số 22)					
Day One	Công ty liên kết	Thu hộ	549.029.280	335.318.337	
Tiki	Công ty con của Công ty liên kết	Thu hộ	280.122.115	680.425.947	
			829.151.395	1.015.744.284	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thành viên Ban Giám đốc	16.155.454.954	15.283.467.680
Thành viên Hội đồng Quản trị	3.798.003.500	3.774.518.000
Thành viên Ban kiểm soát	90.000.000	90.000.000
TỔNG CỘNG	<u>20.043.458.454</u>	<u>19.147.985.680</u>

35. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 40)</i>
Lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	(513.926.306.845)	(1.105.382.805.845)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	<u>28.736.000</u>	<u>28.736.000</u>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong kỳ (*)	<u>28.736.000</u>	<u>28.736.000</u>
Lỗ trên mỗi cổ phiếu		
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(17.884)	(38.467)
Lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(17.884)	(38.467)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Các công cụ sau có khả năng pha loãng lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu trong tương lai nhưng không được đưa vào tính toán lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 vì chúng có tác dụng suy giảm ngược cho kỳ hiện tại được trình bày:

Cho kỳ kế toán
sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6
năm 2024

Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP III	1.058.218
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến	611.330
TỔNG CỘNG	1.669.548

36. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	96.892.394.788	57.684.714.812
Từ 1 đến 5 năm	142.951.426.840	88.063.480.985
TỔNG CỘNG	239.843.821.628	145.748.195.797

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phí bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phí đảm bảo tối thiểu	249.128.067.500	38.981.875.000
Phí bản quyền trò chơi	162.132.977.500	67.354.375.000
Máy móc và thiết bị	43.022.796.400	7.475.635.000
Dự án Trung tâm dữ liệu	-	37.689.300
TỔNG CỘNG	454.283.841.400	113.849.574.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Nghĩa vụ pháp lý

Tập đoàn đang có liên quan đến một nghĩa vụ pháp lý tiềm tàng phát sinh từ một vụ kiện vi phạm bản quyền tại Hoa Kỳ từ năm 2014. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã bị tòa án liên quan bác bỏ lần đầu vào tháng 10 năm 2014, và lần tiếp theo vào tháng 11 năm 2019 vì tòa án Hoa Kỳ xác định không có thẩm quyền xét xử. Sau đó, đơn kháng cáo đã được nộp lại bởi nguyên đơn vào ngày 22 tháng 12 năm 2019. Vào ngày 21 tháng 7 năm 2022, một hội đồng gồm ba thẩm phán của Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ Khu vực 9 đã đưa ra ý kiến chung bác bỏ phán quyết của tòa án cấp dưới, theo đó xác định tòa án Hoa Kỳ có quyền tài phán đối với vụ kiện và các thủ tục xét xử về nội dung khiếu kiện cần được tiến hành. Vào ngày 2 tháng 9 năm 2022, Tập đoàn đã đệ đơn lên Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ Khu vực 9 để yêu cầu việc thực thi quyền tài phán, nhưng đã bị từ chối vào ngày 23 tháng 11 năm 2022. Đơn yêu cầu của Tập đoàn đã bị Tòa án Tối cao từ chối vào ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2023, Nguyên đơn đã nộp bản sửa đổi lần thứ ba của Đơn khởi kiện, theo đó bổ sung thêm số lượng bản quyền vi phạm và bổ sung một số lập luận. Vào ngày 31 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn nộp văn bản trả lời cho Đơn khởi kiện sửa đổi lần thứ ba của Nguyên đơn, theo đó Tập đoàn trình bày kiến đối với một số nội dung trong Đơn khởi kiện sửa đổi và sau đó vào ngày 18 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn nộp văn bản Đề nghị tòa án từ chối Đơn khởi kiện nói trên, nhưng đã bị Nguyên đơn nộp văn bản phản đối đề nghị này vào ngày 8 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 18 tháng 7 năm 2024, Tập đoàn nộp bản ý kiến để bảo vệ quan điểm về Đề nghị tòa án từ chối Đơn kiện sửa đổi lần thứ ba của Nguyên đơn.

Phiên điều trần tiếp theo được lên lịch vào ngày 2 tháng 8 năm 2024, tuy nhiên tại ngày 29 tháng 7 năm 2024, Tòa án đã hoãn phiên điều trần và nhận thấy rằng vấn đề này phù hợp để đưa ra quyết định mà không cần tranh luận và đưa vấn đề vào diện đệ trình.

Ở thời điểm hiện tại, Tập đoàn đánh giá rằng sẽ không có khả năng Tập đoàn phải sử dụng một số tiền lớn hoặc các tài sản khác có thể phát sinh từ kết quả không tích cực của các thủ tục tố tụng trong tương lai. Thêm vào đó, Tập đoàn không kỳ vọng rằng giải pháp cuối cùng của bất kỳ thủ tục tố tụng nào sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ.

Các cam kết khác

- (i) Theo các điều khoản trong thỏa thuận đăng ký góp vốn giữa Tập đoàn và các đối tác liên quan nhằm cam kết đầu tư với số tiền là 24 triệu đô la Mỹ được thừa nhận là phụ thuộc vào đợt phát hành lần đầu ra công chúng ("IPO") của VNG Limited. Theo đó, nghĩa vụ góp số tiền cam kết sẽ được chuyển giao và thực hiện bởi VNG Limited khi đợt IPO thành công. Nếu đợt IPO không diễn ra vào một ngày cụ thể, Tập đoàn sẽ không được coi là đã vi phạm nghĩa vụ góp số tiền đã cam kết theo yêu cầu. Tổng số tiền cam kết dự kiến sẽ được gọi trong vòng năm (5) năm kể từ ngày ký thỏa thuận đăng ký góp vốn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn không có ý định tiếp tục thỏa thuận này nếu như đợt IPO không được diễn ra trước hoặc vào ngày chốt các đối tác thích hợp đã được gia hạn tới ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, trong trường hợp này, Tập đoàn có thể chấp dứt hợp đồng đăng ký mà không phải chịu bất cứ khoản phạt nào.
- (ii) Theo thỏa thuận cổ đông đã được sửa đổi vào ngày 9 tháng 5 năm 2024 giữa Công ty, VNG Limited và một số đối tác có liên quan, Tập đoàn có cam kết, trong trường hợp VNG Limited, với tư cách là bên có nghĩa vụ, không thể thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với bất kỳ khoản tổn thất nào cho các đối tác này trong khoảng thời gian cụ thể, Tập đoàn sẽ chịu trách nhiệm thực hiện việc bồi thường đối với bất kỳ khoản thiếu hụt đó. Các khoản này phát sinh từ những tổn thất mà bên đối tác phải chịu và đã được cam kết bồi thường, đảm bảo từ VNG Limited.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên (“ESOP”)

Tập đoàn có ESOP cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu (ESOP II) hoặc 30.000 VND/cổ phiếu (ESOP III). Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu được tổng hợp từ Chương trình ESOP II và ESOP III là 3.306.526 và được cấp từ năm 2020 đến hết năm 2027.

Chi tiết về chương trình cổ phiếu được tóm tắt như sau:

1. *Kế hoạch thực hiện*
Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm từ ngày cấp đầu tiên.
2. *Các điều khoản*
 - (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
 - (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của kỳ đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
3. *Điều kiện*
 - (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
 - (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	889.704	30.000	753.876
Cấp trong kỳ	30.000	464.119	30.000	585.828
Mất quyền mua trong kỳ	30.000	(26.093)	30.000	(17.049)
Thực hiện quyền mua trong kỳ	30.000	(299.668)	30.000	(290.908)
Số dư tại ngày 30 tháng 6		<u>1.028.062</u>		<u>1.031.747</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<i>Ngoại tệ:</i>		
- TWD	17.147.286	16.616.101
- USD	16.548.210	8.833.614
- MMK	16.051.477	4.287.291
- SGD	11.472.584	4.582.594
- THB	9.611.614	8.786.765
- AUD	1.098.090	264.477
- CNY	991.699	1.507.659
- PHP	37.173	37.173
- EUR	31.058	-
- AED	5.073	8.942
- GBP	4.119	-
- INR	330	330

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Trò chơi trực tuyến;
- Truyền thông đa phương tiện;
- Dịch vụ công nghệ tài chính; và
- Dịch vụ đầu tư dài hạn khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được cung cấp cho theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Trò chơi trực tuyến	Truyền thông đa phương tiện	Dịch vụ công nghệ tài chính	Dịch vụ đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng	Loại trừ/ Chưa được phân bổ	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023							
Doanh thu theo bộ phận kinh doanh							
Doanh thu từ khách hàng	2.333.009.524.572	572.529.177.308	274.159.004.003	138.180.481.187	3.317.878.187.070	1.365.017.544	3.319.243.204.614
Doanh thu giữa các bộ phận	1.213.029.875	98.766.464.925	73.312.088.125	200.074.243.850	373.365.826.775	(373.365.826.775)	-
Tổng doanh thu từ hợp đồng với khách hàng	2.334.222.554.447	671.295.642.233	347.471.092.128	338.254.725.037	3.691.244.013.845	(372.000.809.231)	3.319.243.204.614
Lợi nhuận (lỗ) của bộ phận kinh doanh	95.764.257.953	(103.787.503.335)	(440.660.114.872)	(61.686.482.850)	(510.369.843.104)	(322.930.116.251)	(833.299.959.355)
Đổi chiếu							
Các khoản chi phí không được phân bổ							42.495.241.958
Doanh thu tài chính							(91.631.581.345)
Chi phí tài chính							(233.118.677.552)
Lỗ từ công ty liên kết							(1.115.554.976.294)
Tổng lỗ trước thuế							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023							
Tài sản và công nợ	1.495.199.122.023	511.325.182.502	1.226.259.214.854	3.247.954.260.319	6.480.737.779.698	-	6.480.737.779.698
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-	3.113.928.839.127	3.113.928.839.127
Tài sản không phân bổ	1.495.199.122.023	511.325.182.502	1.226.259.214.854	3.247.954.260.319	6.480.737.779.698	3.113.928.839.127	9.594.666.618.825
Tổng tài sản	3.011.976.727.141	251.056.531.255	790.856.766.439	894.728.078.944	4.948.618.103.779	-	4.948.618.103.779
Công nợ bộ phận	-	-	-	-	-	1.835.948.464.820	1.835.948.464.820
Công nợ không phân bổ	3.011.976.727.141	251.056.531.255	790.856.766.439	894.728.078.944	4.948.618.103.779	1.835.948.464.820	6.784.566.568.599
Tổng công nợ	3.011.976.727.141	251.056.531.255	790.856.766.439	894.728.078.944	4.948.618.103.779	1.835.948.464.820	6.784.566.568.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được cung cấp cho theo lĩnh vực kinh doanh như sau: (tiếp theo)

	Trò chơi trực tuyến	Truyền thông đa phương tiện	Dịch vụ công nghệ tài chính	Dịch vụ đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng	Loại trừ Chưa được phân bổ	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024							
Doanh thu theo bộ phận kinh doanh							
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.156.031.811.906	554.115.833.610	379.447.387.434	224.096.573.734	4.313.691.606.684	-	4.313.691.606.684
Doanh thu giữa các bộ phận	5.389.516.502	69.989.266.894	73.936.675.612	216.293.831.308	365.609.290.316	(365.609.290.316)	-
Tổng doanh thu từ hợp đồng với khách hàng	3.161.421.328.408	624.105.100.504	453.384.063.046	440.390.405.042	4.679.300.897.000	(365.609.290.316)	4.313.691.606.684
Lợi nhuận (lỗ) của bộ phận kinh doanh	659.099.785.024	(59.365.480.771)	(300.641.940.973)	(169.275.497.902)	129.816.865.378	(298.289.477.025)	(168.472.611.647)
Đối chiếu							
Các khoản chi phí không được phân bổ							95.232.660.730
Doanh thu tài chính							(67.418.167.584)
Chi phí tài chính							(47.738.124.759)
Lỗ từ công ty liên kết							(188.396.243.260)
Tổng lỗ trước thuế							
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024							
Tài sản và công nợ							
Tài sản bộ phận	1.482.895.272.267	475.052.040.632	1.376.995.716.767	4.659.270.652.443	7.994.213.682.109	-	7.994.213.682.109
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	2.132.038.952.576	2.132.038.952.576
Tổng tài sản	1.482.895.272.267	475.052.040.632	1.376.995.716.767	4.659.270.652.443	7.994.213.682.109	2.132.038.952.576	10.126.252.634.685
Công nợ bộ phận	3.187.322.103.432	291.522.960.850	908.286.772.020	1.644.265.804.210	6.031.397.640.512	-	6.031.397.640.512
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	2.414.523.740.404	2.414.523.740.404
Tổng công nợ	3.187.322.103.432	291.522.960.850	908.286.772.020	1.644.265.804.210	6.031.397.640.512	2.414.523.740.404	8.445.921.380.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

40. ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH TRƯỚC ĐÂY

Bắt đầu từ cuối năm 2023, Tập đoàn đã chuyển sang chính sách kế toán ghi nhận doanh thu từ chơi trực tuyến khi nghĩa vụ thực hiện với người chơi được hoàn thành. Tập đoàn thực hiện thay đổi nói trên phù hợp với sự phát triển trong hệ thống thông tin hiện đã cho phép Tập đoàn có thể theo dõi dữ liệu liên quan tới người chơi của các trò chơi trực tuyến. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để phản ánh thay đổi trong chính sách kế toán này. Ảnh hưởng của các điều chỉnh như sau:

Mã số	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		VND
		Đã được trình bày trước đây	Điều chỉnh	
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.098.367.672.321	(779.124.467.707)	3.319.243.204.614
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(2.151.973.241.626)	(132.655.431.795)	(2.284.628.673.421)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.946.394.430.695	(911.779.899.502)	1.034.614.531.193
30	4. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(185.343.748.257)	(911.779.899.502)	(1.097.123.647.759)
50	5. Tổng lỗ kế toán trước thuế	(203.775.076.792)	(911.779.899.502)	(1.115.554.976.294)
60	6. Lỗ sau thuế TNDN	(293.276.976.600)	(911.779.899.502)	(1.205.056.876.102)
61	7. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ	(193.602.906.343)	(911.779.899.502)	(1.105.382.805.845)
70	8. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	(6.840)	(31.627)	(38.467)
71	9. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	(6.840)	(31.627)	(38.467)
Mã số	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
01	1. Tổng lỗ kế toán trước thuế	(203.775.076.792)	(911.779.899.502)	(1.115.554.976.294)
08	2. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	384.994.468.731	(911.779.899.502)	(526.785.430.771)
11	3. (Giảm) tăng các khoản phải trả	(134.592.036.327)	973.005.013.655	838.412.977.328
12	4. Giảm (tăng) chi phí trả trước	7.636.362.448	(61.225.114.153)	(53.588.751.705)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

41. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2024, VNG Singapore đã ký kết một hợp đồng vay dài hạn với Deutsche Bank AG chi nhánh Singapore, với khoản tín dụng trị giá là 29.564.182 USD để mua tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản có liên quan của một công ty con trong Tập đoàn.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

